

BÁO CÁO

Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình THTK, CLP 06 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP

a) Về ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác THTK, CLP

Căn cứ Luật THTK, CLP năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP, Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 về việc ban hành Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về THTK, CLP năm 2019; trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm để triển khai THTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2019; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THTK, CLP cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trọng tâm và các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP gắn với công tác kiểm tra, giám sát; đặc biệt, quy định kết quả THTK, CLP là một trong các tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản; quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý tài sản, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng điện; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; chấn chỉnh công tác quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập;... tạo tiền đề quan trọng để đạt được những kết quả về THTK, CLP trong năm 2019.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về THTK, CLP

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về THTK, CLP, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân về THTK, CLP, chủ yếu thông qua lồng ghép vào các hội nghị chuyên đề, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, in ấn sao gửi các ấn phẩm, thông qua các cuộc họp giao ban, triển khai trên mạng liên thông (VIC),... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, tạo sự chuyển biến tích cực và thống nhất về tư tưởng, hành động trong THTK, CLP.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP

Ngành thanh tra đã triển khai nghiêm túc các cuộc thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo kế hoạch và đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Tính đến ngày 15/5/2019, toàn ngành ngành thanh tra đã tiến hành 20 đoàn thanh tra hành chính (theo kế hoạch 15 đoàn, đột xuất 05 đoàn), phát hiện số tiền sai phạm 2,8 tỷ đồng, đã thu nộp vào ngân sách nhà nước 73 triệu đồng. Bên cạnh, thanh tra các sở, ngành tỉnh đã tiến hành 1.249 cuộc (thành lập đoàn 154 cuộc; thanh tra độc lập 1.095 cuộc) đối với 2.231 cá nhân và 223 tổ chức, phát hiện 563 cá nhân, tổ chức vi phạm (493 cá nhân, 70 tổ chức), ban hành 364 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền xử phạt là 1,4 tỷ đồng (đã thu nộp ngân sách 1,2 tỷ đồng). Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra được tăng cường; kịp thời ban hành nhiều văn bản đôn đốc, nhắc nhở các đối tượng thực hiện kết luận thanh tra, với số tiền thực nộp ngân sách nhà nước là 709 triệu đồng.

Thanh tra tỉnh đã thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện thanh tra hành chính, thực hiện kiểm tra tại 08 cơ quan, tổ chức, đơn vị; qua đó, ban hành văn bản chỉ đạo Thanh tra các Sở, huyện, thành phố Cà Mau thực hiện đúng quy định pháp luật về công tác thanh tra hành chính; trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra từ giai đoạn chuẩn bị thanh tra, tiến hành thanh tra và kết thúc thanh tra, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

2. Kết quả THTK, CLP

a) Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, phân cấp triệt để nguồn thu đối với từng cấp ngân sách để quản lý, khai thác tối đa nguồn thu; phân cấp rõ nhiệm vụ chi để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, tránh chi tiêu chồng chéo. Định mức chi ngân sách chi tiết tới từng lĩnh vực, làm căn cứ lập, quản lý và điều hành chi ngân sách. Qua đó, thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2019 theo Quyết định số 2371/QĐ-BTC ngày 19/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính gắn với nhiệm vụ được giao; tiết kiệm trong sử dụng kinh phí thường xuyên theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện;... Kết quả đạt được như sau:

- Tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) 114,58 tỷ đồng, trong đó:

+ Cấp tỉnh: 53,48 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2018 (44,356 tỷ đồng) do các khoản chi hoạt động mang tính chất không tự chủ theo dự toán được cấp thẩm quyền giao cao hơn năm 2018;

+ Cấp huyện: 61,10 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2018 (72,32 tỷ đồng) do chi lương và các khoản có tính chất lương năm 2019 chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi thường xuyên so với năm 2018.

- Tiết kiệm chi quản lý hành chính như văn phòng phẩm, cước phí thông tin liên lạc, sử dụng điện, xăng, dầu, nước, công tác phí, hội nghị, hội thảo,...: 11,35 tỷ đồng (số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt), thấp hơn 12% so với cùng kỳ năm 2018 (12,95 tỷ đồng).

Ngoài ra, sau khi kết thúc niên độ ngân sách 2018, số dư kinh phí chưa sử dụng hết của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh còn rất lớn dẫn đến phải hủy dự toán; về vấn đề này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiểm điểm, xử lý trách nhiệm của 08 cơ quan, đơn vị có liên quan do chưa quan tâm đến công tác quản lý, điều hành dự toán được giao; không kịp thời đánh giá, báo cáo các khoản kinh phí dôi dư để điều chỉnh, thu hồi, cắt giảm dự toán khi hết nhiệm vụ chi hoặc không triển khai thực hiện kịp thời trong năm ngân sách; chưa tích cực chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Trong đầu tư xây dựng cơ bản

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 được phân bổ kịp thời và đúng nguyên tắc bố trí vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm. Trong đó, ưu tiên bố trí vốn để thu hồi tạm ứng ngân sách, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, những công trình đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn, bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài, vay ưu đãi, những công trình chuyên tiếp và chỉ bố trí cho dự án mới khi có đầy đủ thủ tục đầu tư theo đúng quy định. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; tập trung xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, hoàn tạm ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành; qua đó, việc đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện, cũng như tiến độ giải ngân vốn được các chủ đầu tư quan tâm và tích cực thực hiện.

Kinh phí tiết kiệm được là 24,075 tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ năm 2018 (13,45 tỷ đồng), vượt 46,29% so với kế hoạch 06 tháng đầu năm 2019 (16,46 tỷ đồng), bao gồm:

- Tiết kiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án, với số tiền 0,25 tỷ đồng (kết quả thẩm định thấp hơn giá trị đề nghị của chủ đầu tư);

- Tiết kiệm thông qua đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, với số tiền 11,03 tỷ đồng (kết quả đấu thầu dẫn đến giá trị các gói thầu trúng thầu thấp hơn giá trị dự toán phê duyệt, chỉ định thầu giảm giá 5% đối với công trình thủy lợi,...);

- Tiết kiệm trong quá trình thi công, đầu tư, với số tiền 1,08 tỷ đồng (giảm một số hạng mục công trình không cần thiết phải thực hiện);

- Trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, với số tiền 11,71 tỷ đồng (không quyết toán đối với các chi phí không phù hợp theo chế độ hiện hành).

c) Trong quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đang được tập trung rà soát, xử lý một số nội dung công trình còn tồn đọng năm 2018 chuyển sang; đồng thời, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí chưa đạt đối với các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững được quy hoạch, điều tra, rà soát triển khai thực hiện kịp thời; quản lý và sử dụng vốn trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả; ưu tiên đối với các xã bãi ngang ven biển và hải đảo, các ấp, xã đặc biệt khó khăn; góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; giúp đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện môi trường sinh thái; diện mạo nông thôn thay đổi theo hướng tích cực; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu, cũng như các chương trình mục tiêu quốc gia vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, chủ yếu là do nguồn lực còn hạn chế, nguồn vốn phân bổ chưa kịp thời.

Các dự án, công trình thực hiện theo hình thức nhà nước và nhân dân cùng thực hiện hoặc có sự đóng góp của nhân dân đều có sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư theo quy định tại Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đầu tư đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020.

d) Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng quy định; thường xuyên duy tu, sửa chữa, cải tạo phù hợp với điều kiện công tác, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và lâu dài; thực hiện phân cấp quản lý đối với các dự án, công trình phúc lợi công cộng nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, bảo quản tài sản công cộng; bố trí, quản lý, sử dụng nhà công vụ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định.

Về lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư: Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Tổ công tác kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ; hiện nay, Tổ công tác đang thực hiện việc kiểm tra hiện trạng của các cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh để đề xuất phương án sắp xếp, xử lý phù hợp. Riêng đối với diện tích đất có nguồn gốc do các hộ dân hiến, tặng, cho mượn, đặc biệt là đất của các điểm trường lẻ (đã xóa điểm lẻ) không còn sử

dụng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau rà soát lại nội dung thỏa thuận trước đây với từng hộ gia đình, cá nhân, làm cơ sở đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có phương án xử lý từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh.

Thực hiện tốt chủ trương sử dụng tài sản công mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; tính đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của 16 đơn vị (trong đó, phê duyệt trong 06 tháng đầu năm 2019 là 09 đơn vị). Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được Sở Tài chính thẩm định Đề án nhưng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện.

đ) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại; phương tiện, thiết bị làm việc

Việc trang bị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; cơ bản đảm bảo theo tiêu chuẩn, định mức quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít cơ quan, đơn vị trang bị tài sản cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức quy định.

Việc mua sắm các trang thiết bị làm việc được thực hiện theo phương thức tập trung, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước; hiện nay Trung tâm Dịch vụ tài chính công trực thuộc Sở Tài chính (là cơ quan được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung) đang triển khai việc mua sắm tập trung năm 2019, dự kiến hoàn thành trong tháng 07 năm 2019 để phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đặc biệt, không mua sắm xe ô tô (trừ xe ô tô chuyên dùng), trang thiết bị đắt tiền.

Tiếp tục thực hiện Đề án thí điểm quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh, đảm bảo sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích, có sự quản lý tập trung, chuyên nghiệp, bước đầu đã đạt được kết quả tích cực (giảm số lượng xe ô tô hiện có tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh từ 138 xe xuống còn 78 xe; giảm được số lượng tài xế từ 109 người xuống còn 69 người; giảm chi phí, diện tích xây dựng nơi quản lý xe, khai thác tối đa hiệu quả công suất của xe, đáp ứng kịp thời yêu cầu phục vụ công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có trụ sở trên địa bàn thành phố Cà Mau), góp phần đưa công tác kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản là xe ô tô công toàn diện và mang tính hệ thống. Đối với các xe ô tô dôi dư sau khi thực hiện Đề án đủ điều kiện thanh lý, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính thực hiện thanh lý theo quy định; hiện nay đã hoàn tất việc thanh lý 23 xe ô tô (02 đợt thanh lý); trong đó, có 13 xe ô tô xuống cấp, hư hỏng nặng, hết niên hạn sử dụng.

e) Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai: Nhìn chung, các cơ quan, tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất sử dụng đất đúng mục đích được giao, cho thuê; tuy nhiên, qua kiểm tra vẫn còn xảy ra tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả, cơ quan chuyên môn đã kiến nghị thu hồi 287,47 ha đất đã giao cho 08 tổ chức (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ,

Công ty Cổ phần Khánh Linh, Trung tâm Giống nông nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường Tiểu học Phong Lạc - Khu B - huyện Trần Văn Thời, Công ty Vật tư tổng hợp Minh Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện U Minh, Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh, Cơ sở Cai nghiệm ma túy trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản: Phần lớn các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa thể khai thác, chỉ khoanh vùng quản lý, bảo vệ theo quy định; vì vậy, thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh chưa thực hiện việc cấp phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào để khai thác, nạo vét, tận thu khoáng sản; tuy nhiên, qua 04 cuộc kiểm tra đột xuất đã phát hiện 01 vụ việc vi phạm trong khai thác khoáng sản đang tiến hành các thủ tục xử lý⁽¹⁾. Bên cạnh đó, từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp giấy phép khai thác nước dưới đất và xả thải vào nguồn nước cho 10 tổ chức; qua kiểm tra các cơ sở khai thác nước dưới đất cho thấy, hầu hết các cơ sở chưa lắp đặt thiết bị đo lưu lượng khai thác, chưa thực hiện chương trình quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất cho cơ quan cấp phép đúng theo quy định. Về việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải, đến nay đã có 60/62 tổ chức thuộc đối tượng phải xây dựng đã xây dựng và vận hành theo quy định.

- Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, biển: Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô đang được các chủ rừng thực hiện quyết liệt theo phương châm “4 tại chỗ”⁽²⁾; các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường, đặc biệt là rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng; thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên; công tác tuần tra, kiểm tra kiểm soát các hoạt động khai thác rừng, biển trái phép được tăng cường; kết quả đã phát hiện và xử phạt 61 vụ việc vi phạm, với số tiền 254,95 triệu đồng.

+ Về điện gió: Tính đến thời điểm hiện tại, có 07 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư (có 01 dự án trễ hạn); 01 dự án giai đoạn 02 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư; 05 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Công Thương bổ sung vào quy hoạch; 06 dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương lập hồ sơ bổ sung vào quy hoạch; 05 dự án Sở Công Thương đang xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương lập hồ sơ bổ sung quy hoạch (trong đó, có 02 dự án trễ hạn và 01 dự án do doanh nghiệp nước ngoài đề xuất đang hoàn thiện thủ tục). Đối với các dự án trễ hạn và chưa hoàn thiện thủ tục, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở, làm việc với nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để có giải pháp xử lý phù hợp. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chấp thuận chủ trương để 15 nhà đầu tư xây dựng 22 trụ đo gió, trong đó có 16 trụ đã xây dựng xong, 06 trụ đang hoàn thiện các thủ tục để thi công. Tuy nhiên, hiện nay chưa có dự án nào được triển khai thực hiện do gặp khó khăn, vướng mắc về hồ sơ, thủ tục giao khu vực biển, bổ sung quy hoạch, nhà đầu tư có yếu tố nước ngoài,...

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình kiểm tra đột xuất việc khai thác tài nguyên nước và khoáng sản phát hiện 01 vụ sai phạm đang tiến hành các thủ tục xử lý.

⁽²⁾ Phương châm “4 tại chỗ”: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

+ Về điện mặt trời: Tiềm năng phát triển năng lượng mặt trời tại các khu vực biên trên địa bàn tỉnh đến năm 2035 là 1.500 MW. Trong giai đoạn quy hoạch 2016 - 2020 là 25 MW tại huyện Ngọc Hiển; hiện nay đã có 01 nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án 50 MW, đã được Bộ Công Thương thẩm định hồ sơ xin bổ sung vào quy hoạch, đang trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

+ Về điện sinh khối: Trong giai đoạn quy hoạch đến năm 2025, công suất điện đốt rác là 8 MW (tại huyện Cái Nước là 4 MW và huyện U Minh là 4 MW); hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 01 nhà đầu tư thực hiện đầu tư nhà máy điện đốt rác tại huyện Cái Nước, với công suất 4 MW (đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư). Công suất nhà máy điện gỗ tại xã Khánh An, huyện U Minh 24 MW, hiện chưa có nhà đầu tư.

g) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm định Đề án vị trí việc làm trên tinh thần cắt giảm biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị. Tính đến ngày 15/5/2019, đã thực hiện tinh giản biên chế đợt 01 năm 2019 đối với 350 trường hợp (thuộc 20 cơ quan, tổ chức, đơn vị) và đang tổng hợp hồ sơ tinh giản biên chế đợt II năm 2019 (dự kiến 195 trường hợp). Thông qua việc thí điểm sáp nhập một số cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng tương đồng, cắt giảm những vị trí trung gian,...; kết quả đã giảm được 45/270 phòng, ban, chi cục và tương đương (cấp tỉnh 32/157; cấp huyện 13/113); biên chế hành chính giảm 285/2.269 biên chế (so với năm 2015); các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến sáp nhập đã xây dựng xong đề án sắp xếp, sáp nhập gửi Sở Nội vụ theo chủ trương của Tỉnh ủy (đang chờ chủ trương của cấp thẩm quyền sẽ hoàn thiện Đề án).

- Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hạn chế tình trạng ngân sách nhà nước phải cấp bù kinh phí hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động. Tiếp tục cổ phần hóa Ban Điều hành Bến tàu, xe Cà Mau theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ; tuy nhiên, việc xác định giá trị doanh nghiệp đã quá 12 tháng, do đó phải thay đổi thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến 31/12/2018 và theo kế hoạch sẽ tổ chức bán cổ phần lần đầu và chuyển thành công ty cổ phần trong quý III năm 2019. Tập trung chỉ đạo cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ (Nhà khách Cà Mau trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng trực thuộc Sở Xây dựng).

- Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đa số các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh như: Ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính, triển khai Một cửa

điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thu phí điện tử,... ; tỷ lệ hồ sơ giải quyết sớm và đúng hẹn của các đơn vị trung bình đạt trên 98%, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt trên 99%. Việc thực hiện tốt công tác cải cách hành chính đã góp phần rất lớn trong việc tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân và doanh nghiệp.

h) Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã) được thực hiện theo đúng quy định; bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ, qua đó có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Nhìn chung, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước của tỉnh hoạt động hiệu quả, góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện một số mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là tạm ứng, cho vay, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

Riêng Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh đi vào hoạt động từ cuối năm 2009, vốn điều lệ từ ngân sách tỉnh cấp là 13,66 tỷ đồng; đến nay đã cho 268 dự án vay, với tổng số tiền 30,5 tỷ đồng. Trong điều kiện Hợp tác xã khó tiếp cận được nguồn vốn từ các ngân hàng thương mại, nhiều Hợp tác xã được vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã đã góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn, giúp Hợp tác xã duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm, thu nhập cho hàng nghìn thành viên và người lao động.

Ngoài ra, thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Đề án thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau theo quy định.

i) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp

Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào trong sản xuất; không ngừng nghiên cứu, xây dựng các giải pháp tiết giảm tối đa chi phí; tăng cường quản lý định mức tiêu hao để hạ giá thành; nâng cao năng suất lao động; thường xuyên phát động các phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, tìm tòi sáng kiến trong sản xuất, kinh doanh,... từ đó, nâng cao hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Nhờ làm tốt các biện pháp nêu trên, trong 6 tháng đầu năm 2019, các doanh nghiệp đã tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh 1,97 tỷ đồng, bằng 77,6% so với cùng kỳ và đạt 56,5% so với kế hoạch.

Tiếp tục thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Cà Mau theo kế hoạch. Riêng việc sắp xếp, đổi mới mô hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Phương án thực hiện; sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Công tác THTK, CLP luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy; theo dõi, giám sát, tổng kết, đánh giá của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự điều hành chủ động, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; từ đó, các chủ trương, chính sách và giải pháp THTK, CLP đã được triển khai thực hiện nhất quán từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã, góp phần nâng cao chất lượng trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi lãng phí.

- Các giải pháp tăng cường THTK, CLP được triển khai thực hiện mang lại kết quả tích cực như: Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm ngân sách nhà nước ngay từ khâu lập, phân bổ và giao dự toán theo chỉ đạo của Trung ương; tiết kiệm chi quản lý hành chính, mua sắm, sửa chữa tài sản và tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi,... với số tiền 11,35 tỷ đồng; việc trang bị và sử dụng tài sản nhà nước đúng với tiêu chuẩn, định mức quy định; đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, phù hợp với chức danh, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm cũng như nhiệm vụ trong tình hình mới; nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thi hành công vụ, ý thức chấp hành giờ giấc, thái độ làm việc,... được cải thiện đáng kể; việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, ứng dụng zalo trong giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp; thực hiện có hiệu quả đề án quản lý xe ô tô công tập trung trên địa bàn tỉnh Cà Mau với kết quả tích cực (giảm được 60 xe và 40 lái xe), đồng thời giảm được chi phí, diện tích xây dựng nơi quản lý xe, khai thác tối đa công suất của xe, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng tài sản công.

b) Hạn chế

- Một số chỉ tiêu THTK, CLP đạt thấp so với kế hoạch đề ra như: Tiết kiệm chi thường xuyên (đạt 87,09% chỉ tiêu kế hoạch); tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm do phải thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư (phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng,...), lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng,... đối với các dự án khởi công mới trong năm 2019; một số dự án vướng mắc trong khâu bồi hoàn, giải phóng mặt bằng, đặc biệt là các dự án được bố trí kế hoạch vốn lớn.

- Công tác THTK, CLP từng lúc, từng nơi vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn còn tình trạng lãng phí xảy ra ở nhiều nơi, trên nhiều lĩnh vực như: Việc sử dụng đất không đúng mục đích, không hiệu quả dẫn đến bị thu hồi, khai thác đất mặt, khai thác lâm sản và nguồn lợi thủy sản trái phép vẫn còn diễn ra; việc quản lý tài nguyên nước sau khi cấp phép chưa được chặt chẽ; vẫn còn tình trạng chi ngân sách nhà nước không đúng tiêu chuẩn, định mức.

- Việc thực hiện trình tự, thủ tục hồ sơ các dự án điện gió còn chậm; chủ yếu là vướng mắc trong hồ sơ, thủ tục giao khu vực biển, bổ sung quy hoạch, nhà đầu tư có yếu tố nước ngoài,...

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THTK, CLP NĂM 2019

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THTK, CLP 06 tháng đầu năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong 06 tháng cuối năm 2019 như sau:

1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP

Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền, giáo dục nhận thức, ý thức trong THTK, CLP bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của các cơ quan báo, đài trong công tác tuyên truyền THTK, CLP. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt, chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo THTK, CLP.

2. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách, thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định của pháp luật. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước; thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ gắn với dự toán kinh phí được giao; kịp thời thu hồi, cắt giảm dự toán đối với các khoản kinh phí dôi dư sau khi thực hiện nhiệm vụ hoặc dự kiến không thực hiện chi hết trong năm ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi cấp bách, bức thiết khác; hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển nguồn ngân sách sang năm sau tiếp tục thực hiện.

- Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án thí điểm quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau thời gian triển khai; qua đó, có những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án. Thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô công và ban hành tiêu chuẩn, định mức quản lý, sử dụng xe chuyên dùng theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Phê duyệt và tổ chức thực hiện Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

- Kiểm tra, rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công không đúng quy định, gây lãng phí, thất thoát. Chỉ đạo các đơn vị có tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khẩn trương hoàn thiện đề án trình phê duyệt theo quy định Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch và đột xuất nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí; trong đó, cần tập trung xử lý dứt điểm các sai phạm và những vấn đề phát sinh sau thanh tra nhằm răn đe, cũng như mang tính hướng dẫn nghiệp vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tránh xảy ra sai phạm trong quá trình điều hành kinh phí.

3. Trong quản lý đầu tư xây dựng

- Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án, công trình, đặc biệt là những dự án, công trình trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa và đóng góp tăng trưởng chung của tỉnh. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công theo Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động đầu tư công. Thu hồi hoặc điều chuyển vốn đối với các dự án, công trình chậm triển khai, không hiệu quả. Chủ động rà soát, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện Luật quy hoạch khi Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch.

- Tập trung thực hiện công tác quyết toán, tắt toán dự án hoàn thành; xử lý dứt điểm các dự án, công trình chậm nộp hồ sơ quyết toán; không giao dự án, công trình mới cho các chủ đầu tư có dự án, công trình chậm nộp báo cáo quyết toán.

4. Trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu và chương trình mục tiêu quốc gia

Triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia theo kế hoạch đã được phê duyệt; đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo thông qua hệ thống chính sách giảm nghèo hiện hành và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; quản lý, sử dụng vốn theo đúng đối tượng, đảm bảo tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả; tập trung giải ngân hết nguồn vốn đã được bố trí trong năm 2019. Thực hiện nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng.

5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Triển khai quyết liệt các biện pháp quản lý chặt chẽ đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định của pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng. Chủ động ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, nhất là dông, lốc xoáy, sét đánh, sạt lở để bảo vệ người, tài sản và hoạt động sản xuất của nhân dân. Thực hiện tốt kế hoạch khắc phục ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm, triệt để tình trạng phá rừng và khai thác rừng bất hợp pháp; thường xuyên kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác đất mặt, đất bùn dưới lòng sông trái phép; chấn chỉnh, xử lý những vi phạm trong việc khai thác tài nguyên nước sau cấp phép.

- Rà soát tình hình thực hiện các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là các dự án đã có chủ trương đầu tư.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng, trách nhiệm trong thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, mạnh dạn tinh giản biên chế đối với các trường hợp yếu kém, hạn chế về năng lực, đạo đức ở mọi lứa tuổi; tập trung nâng cao chất lượng xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó cần xác định thật cụ thể nhiệm vụ đảm nhận, yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng vị trí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, sáp nhập các phòng, ban, bộ phận, đơn vị trực thuộc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối.

7. Trong quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách

- Tập trung rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, trong đó phân kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phải được tổng hợp đầy đủ trong dự toán và quyết toán hàng năm của các quỹ; đánh giá hiệu quả các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đang hoạt động để có giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý và sử dụng các quỹ.

- Xem xét, quyết định thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau.

8. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục thoái vốn theo lộ trình đối với Công ty Cổ phần Cấp Nước Cà Mau; thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện Phương án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Công ty Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến thành Công ty TNHH hai thành viên theo đề nghị của các Bộ, ngành Trung ương.

- Thường xuyên theo dõi tình hình quản lý, sử dụng tài sản, quản lý tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; tập trung kiểm tra, rà soát lại tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa để quản lý, khai thác hoặc xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong các doanh nghiệp, kịp thời phát hiện, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản, lao động, tài nguyên thiên nhiên.

Trên đây là báo cáo tình hình THTK, CLP 06 tháng đầu năm và một số nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2019, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Báo cáo này thay thế Báo cáo số 126/BC-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi kèm theo Phụ lục số 02)./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Phòng KT (Đ06.08);
- Lưu: VT. Tr 44/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



*** Lâm Văn Bi**



KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019


(Kèm theo Báo cáo số 152 /BC-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	Văn bản	23	8	7	30%	87,50%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	25	20	6	24%	30,00%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	13	11	2	15%	18,18%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	Tr. đồng						
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Tr. đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	Tr. đồng	138.915	114.578	114.578	82%	100%	
	Trong đó:							
	- Tiết kiệm 10% kinh phí thường xuyên lần đầu	Tr. đồng	116.676	114.578	114.578			
	- Tiết kiệm thêm 3% hoạt động thường xuyên (không bao gồm kinh phí hoạt động sự nghiệp giáo dục) để duy tu, sửa chữa hạ tầng nông thôn	Tr. đồng	22.239					
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Tr. đồng						
1.4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		12.950,73	13.030,76	11.348,04	88%	87,09%	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		10.091,69	9.972,40	8.159,61	81%	82%	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	Tr. đồng	1.275,67	1.322,80	1.139,55	89%	86%	
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Tr. đồng	758,66	952,32	733,22	97%	77%	
	- Tiết kiệm sử dụng điện	Tr. đồng	1.386,80	1.315,20	1.074,44	77%	82%	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tr. đồng	1.016,01	917,70	788,82	78%	86%	
	- Tiết kiệm nước sạch	Tr. đồng	204,30	230,84	268,36	131%	116%	
	- Tiết kiệm công tác phí	Tr. đồng	2.599,52	2.299,45	1.685,97	65%	73%	
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Tr. đồng	494,03	587,11	490,20	99%	83%	
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Tr. đồng	1.326,84	1.344,54	1.059,64	80%	79%	
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	Tr. đồng	1.029,86	1.002,45	919,42	89%	92%	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		1.530,5	1.423,2	1.641,97	107%	115%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Tr. đồng	241,5	307	119,86			
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		1.289	1.116,2	1.522,11			Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự toán	Tr. đồng			103,00			
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, ...	Tr. đồng	1.289	1.116,17	1.419,11			
	- Thương thảo hợp đồng	Tr. đồng						
	- Các nội dung khác	Tr. đồng						
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	Tr. đồng	781,64	1.315,19	1.352,46			
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	Tr. đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	Tr. đồng		70	34			
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	Tr. đồng	413,9	250	160			
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	Tr. đồng	133					
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Tr. đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	Chiếc	162		143	88,27%		
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc	178			0,00%		
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	77		24	31,17%		
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Tr. đồng						
2	Tài sản khác		368		391	106,25%		Có giá trị trên 500 triệu đồng
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Tr. đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Tr. đồng	13.445	16.457	24.074,94	179%	146,29%	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Tr. đồng	11	180	254,00	2258%	141,50%	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Tr. đồng	10.659	15.572	11.033,00	104%	70,85%	
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Tr. đồng	691,68	454	1.081,94		238,21%	
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Tr. đồng	2.083	251	11.706,00	562%	4663,75%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Tr. đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	- Số lượng	Dự án						
	- Giá trị đầu tư phải thanh toán	Tr. đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	851.581		8.373.710	983,31%		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	334.954,28		34.277	10,23%		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	42.617		11.274	26,45%		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Tr. đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Tr. đồng						
4.	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²			287.470			Kiểm nghị thu hồi
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Tr. đồng						

STT	 Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú	
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch		
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9	
1.4	Các nội dung khác								
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác								
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ	28		61				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Tr. đồng	53,75		254,95				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được								
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án							
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Tr. đồng							
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt								
4	Các nội dung khác								
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ							
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Tr. đồng							
3	Các nội dung khác								
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh		2.535	1.257	1.967	77,61%	156,50%		
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Tr. đồng	105	50	40,00	38,10%	80,00%		
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	Tr. đồng	755	249	790,49	104,70%	317,59%		
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	19.163	10.290	5.022	26,21%	48,80%		
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	14.859	8.092	5.011	33,73%	61,93%		
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Tr. đồng	1.525	708	1.076,88	70,62%	152,06%		
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Tr. đồng			0				
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	Tr. đồng							
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Tr. đồng	150	250	60				
2	Quản lý đầu tư xây dựng								
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được		306	250	250			
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>Tr. đồng</i>	306	220	220			
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...</i>	<i>Tr. đồng</i>		30	30			
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>Tr. đồng</i>						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>Tr. đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- <i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>Dự án</i>						
	- <i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>Tr. đồng</i>						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- <i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>Tr. đồng</i>						
	- <i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>Tr. đồng</i>						
	- <i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>Tr. đồng</i>						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	- <i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	Chiếc	5					
	- <i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	Chiếc						
	- <i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>Tr. đồng</i>						
	- <i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	Chiếc						
	- <i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>Tr. đồng</i>						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc						
	- <i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	Chiếc						
	- <i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>Tr. đồng</i>						
5	Nợ phải thu khó đòi							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của 6 tháng năm 2018	Kế hoạch 6 tháng đầu năm 2019	Kết quả 6 tháng đầu năm 2019	So sánh với cùng kỳ và kế hoạch (%)		Ghi chú
						So sánh với cùng kỳ	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
	Số đầu kỳ	Tr. đồng	20.307	16.446	17.979	88,54%	109,32%	
	Số cuối kỳ	Tr. đồng	20.448	5.000	14.361	70,23%	287,22%	
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	Tr. đồng	115.205	71.559	117.076	101,62%	163,61%	
	Số cuối kỳ	Tr. đồng	110.092	76.600	124.249	112,86%	162,20%	
VIII	Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân							
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	31.033	32.080	22.946	73,94%		
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX	Tổng hợp tình hình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật THPT, CLP							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã triển khai thực hiện	Cuộc	1.202		1.269	105,57%		
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã hoàn thành	Cuộc	1.192					
3	Số cơ quan, tổ chức, cá nhân đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Cơ quan/tổ chức/đơn vị/cá nhân	1.202		2.454	204,16%		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có lãng phí, vi phạm được phát hiện	Cơ quan/tổ chức/đơn vị/cá nhân	509		563	110,61%		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Tr. đồng	2.512		4.200	167,20%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Tr. đồng	2.512		1.273	50,68%		